

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2020/HNGĐ-ST

Ngày 28-7-2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Mộng Nguyệt

2. Bà Huỳnh Thị Thúy Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thảo Chi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hải Lĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 166/2020/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hồ Thị N, sinh năm 1974; Thường trú: Số 39/3/1 đường số C, tổ M, thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Ông Bùi Vĩnh P, sinh năm 1975; Thường trú: Số 39/3/1 đường số C, tổ M, thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Bà N, ông P có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 06/5/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hồ Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị N và ông Bùi Vĩnh P có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 04 năm thì đăng ký kết hôn vào năm 1995 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận theo giấy chứng nhận kết hôn số 38, quyển số 01 ngày 26/02/1995. Việc kết hôn hoàn toàn tự nguyện.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại tổ M, thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Vợ chồng sống hạnh phúc được 01 thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, vợ chồng không hiểu nhau, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau về chuyện tiền bạc. Vì vậy, từ năm 2003

cho đến nay, ông P bỏ đi làm ăn xa nhưng không nói rõ là đi đâu, cách 01 đến 02 tháng lại về nhà 01 lần. Trong suốt thời gian đó, ông P không gửi tiền về phụ giúp cho bà N chăm lo gia đình. Bản thân bà N cảm thấy mệt mỏi với cuộc sống như vậy, nên cách đây 02 năm vợ chồng chính thức ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc và thương yêu nhau. Nay, bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông Bùi Vĩnh P.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Bùi Quang Đ, sinh năm 1994 và Bùi Thị Phương T, sinh năm 1996. Các con đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Bùi Vĩnh P đã được Toà án thông báo tham gia tố tụng, tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng ông Bùi Vĩnh P không đến Toà án làm việc. Ông P chỉ gửi cho Tòa án 01 bản sao chứng minh nhân dân tên Bùi Vĩnh P, 01 đơn chấp nhận ly hôn ngày 22/5/2020 và 01 đơn xét xử vắng mặt ngày 22/5/2020 có chữ ký của ông P được Văn phòng công chứng Trường An, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa chứng thực. Trong đơn chấp nhận ly hôn, ông chấp thuận ly hôn với bà Hồ Thị N theo đơn nộp tại Tòa án Đức Linh được thụ lý số 166/TB-TLVA ngày 08/5/2020. Ngoài ra, ông P không có yêu cầu phản tố nào, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án: nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự và có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Mặc dù trong quá trình tiến hành tố tụng, bị đơn không đến Tòa án làm việc nhưng có văn bản ý kiến về việc ly hôn và đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị N và ông Bùi Vĩnh P tìm hiểu nhau 04 năm thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận và

đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 38, quyển số 01 ngày 26/02/1995 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3] Trong quá trình chung sống, bà Hồ Thị N cho rằng vợ chồng tính tình không hợp nhau, không hiểu nhau, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau về chuyện tiền bạc. Từ năm 2003 cho đến nay, ông P bỏ đi làm ăn xa nhưng không nói rõ là đi đâu, cách 01 đến 02 tháng lại về nhà 01 lần. Trong suốt thời gian đó, ông P không gửi tiền về phụ giúp cho bà N chăm lo gia đình. Bản thân bà N cảm thấy mệt mỏi với cuộc sống như vậy, nên cách đây 02 năm vợ chồng chính thức ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc và thương yêu nhau.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án và đã nhiều lần triệu tập ông Bùi Vĩnh P đến làm việc và tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông P không có mặt, chỉ gửi cho tòa án đơn chấp nhận ly hôn với nội dung ông P chấp thuận ly hôn với bà Hồ Thị N theo đơn nộp tại Tòa án Đức Linh được thụ lý số 166/TB-TLVA ngày 08/5/2020. Bà Hồ Thị N cũng có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải với ông P. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng của ông bà đã thực sự không còn và cả hai bên đều không muốn hàn gắn.

Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích đó, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Việc ông P có văn bản gửi Tòa án đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà N cho thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà Hồ Thị N và ông Bùi Vĩnh P đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu được ly hôn của bà Hồ Thị N.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Bùi Quang Đ, sinh năm 1994 và Bùi Thị Phương T, sinh năm 1996. Các con đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về tranh chấp ly hôn của bà Hồ Thị N với ông Bùi Vĩnh P.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hồ Thị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị N đối với ông Bùi Vĩnh P về việc ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị N được ly hôn với ông Bùi Vĩnh P.
- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Bùi Quang Đ, sinh năm 1994 và Bùi Thị Phương T, sinh năm 1996. Các con đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Bà Hồ Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003595, ngày 08/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Bà Hồ Thị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- UBND xã Đ, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thị Mỹ Dung